

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Nga

Bà Đinh Thị Cửa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Trương Thị Thu D, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trương Thị Thu D tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2024, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/02/2024. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc, nên anh H muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh H xin ly hôn với chị D.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H. Về quan hệ hôn nhân: cho anh H ly hôn chị D. Về quan hệ con chung: không có nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét. Về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Thu D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị D có nơi cư trú tại thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Trương Thị Thu D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị D tự nguyện kết hôn vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên hai bên gia

đình chưa tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh H cho rằng vợ chồng chưa được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ thì cả hai xích mích, gây gổ nhau, mâu thuẫn, cự cãi với nhau. Sau đó, chị D không đồng ý làm hôn lễ với anh H. Mặc dù anh và chị D đã đăng ký kết hôn tuy nhiên, cả hai chưa có khoảng thời gian nào chung sống với nhau như vợ chồng. Chính vì vậy, anh H nhận thấy, giữa anh và chị D không có tình cảm. Do đó, anh H xin Tòa án cho anh H được ly hôn với chị D.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh H và chị D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có nên không xét

[2.3] Đối với tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét

[3] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Trương Thị Thu D.

1.2. Về quan hệ con chung: Không có nên không xét.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số

tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000680 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh